

BỘ CÔNG AN
CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025



YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA BỘ CÔNG AN

Căn cứ: Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/QĐ-ANDT ngày 08/5/2024 của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đối với vụ án "Vi phạm quy định về đầu thầu; đưa hối lộ; nhận hối lộ" xảy ra tại Công ty TNHH cây xanh Công Minh và các tỉnh, thành phố;

Căn cứ các điều 36, 39, 69, 215, 216 và 217 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét cần thiết cho việc điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương tiến hành định giá tài sản sau:

I. THÔNG TIN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÀI SẢN CẦN ĐỊNH GIÁ

Tài sản cần định giá là các vật liệu dùng cho dự án trồng cây xanh đô thị tại huyện Phú Giáo (12 dự án) có thông tin và đặc điểm theo Phụ lục đính kèm.

II. TÊN TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN (NẾU CÓ)

- Hồ sơ thực hiện dự án của các hợp đồng: (1)Hợp đồng số 09/2019/HĐ-XD ngày 28/08/2019 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Tây Nguyên; (2)Hợp đồng số 15/2019/HĐ-XD ngày 07/10/2019 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Kiên Giang; (3)Hợp đồng số 12/2019/HĐ-XD ngày 18/09/2019 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Môi trường đô thị Phú Quốc; (4)Hợp đồng số 12/2020/HĐ-TC ngày 19/11/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Mina; (5)Hợp đồng số 09/HĐ-TC ngày 14/10/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Mina; (6)Hợp đồng số 29/HĐ-TC ngày 29/12/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH môi trường đô thị Công Minh Bình Dương; (7)Hợp đồng số 08/2020/HĐ-TC ngày 14/10/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Minh Thành Phát Kiên Giang; (8)Hợp đồng số 02/2021/HĐ-TC ngày 27/07/2021 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Liên danh Công ty TNHH môi trường đô thị Phú Quốc và Công ty CP tư vấn xây dựng thương mại Phước Lộc; (9)Hợp đồng số 01/2021/HĐKT ngày 27/07/2021 giữa Phòng

quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH thiết kế xây dựng thương mại Anh Khoa; (10)Hợp đồng số 04/2022/HĐKT ngày 04/03/2022 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH cấp thoát nước và dịch vụ môi trường; (11)Hợp đồng số 03/2023/HĐKT ngày 29/03/2023 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng môi trường Duy Tân; (12)Hợp đồng số 01/2023/HĐKT ngày 29/03/2023 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH dịch vụ đô thị Bình Dương.

- Danh sách công ty thuộc hệ thống Tổng Công ty cây xanh Công Minh và một số doanh nghiệp thẩm định giá có liên quan đến vụ án.

- Lời khai của Thái Hữu Dũng - Giám đốc khu vực Bắc miền Trung về việc công ty thuộc hệ thống cây xanh Công Minh tham gia dự thầu và thực hiện các dự án trồng, chăm sóc cây xanh trên các tỉnh, thành phố.

- Kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong TTTH các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đồng Nai đối với tài sản là các vật liệu sử dụng cho các dự án trồng cây xanh tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đồng Nai do công ty thuộc hệ thống cây xanh Công Minh thực hiện.

III. NỘI DUNG YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Xác định đơn giá (giá bán ra tại cơ sở kinh doanh, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các khuyến mãi khác) và tổng giá trị các loại tài sản theo Phụ lục đính kèm vào thời điểm ký kết các hợp đồng: (1)Hợp đồng số 09/2019/HĐ-XD ngày 28/08/2019 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Tây Nguyên; (2)Hợp đồng số 15/2019/HĐ-XD ngày 07/10/2019 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Kiên Giang; (3)Hợp đồng số 12/2019/HĐ-XD ngày 18/09/2019 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Môi trường đô thị Phú Quốc; (4)Hợp đồng số 12/2020/HĐ-TC ngày 19/11/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Mina; (5)Hợp đồng số 09/HĐ-TC ngày 14/10/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Cây xanh Mina; (6)Hợp đồng số 29/HĐ-TC ngày 29/12/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH môi trường đô thị Công Minh Bình Dương; (7)Hợp đồng số 08/2020/HĐ-TC ngày 14/10/2020 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Minh Thành Phát Kiên Giang; (8)Hợp đồng số 02/2021/HĐ-TC ngày 27/07/2021 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Liên danh Công ty TNHH môi trường đô thị Phú Quốc và Công ty CP tư vấn xây dựng thương mại Phước Lộc; (9)Hợp đồng số 01/2021/HĐKT ngày

27/07/2021 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH thiết kế xây dựng thương mại Anh Khoa; (10)Hợp đồng số 04/2022/HĐKT ngày 04/03/2022 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH cấp thoát nước và dịch vụ môi trường; (11)Hợp đồng số 03/2023/HĐKT ngày 29/03/2023 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng môi trường Duy Tân; (12)Hợp đồng số 01/2023/HĐKT ngày 29/03/2023 giữa Phòng quản lý đô thị huyện Phú Giáo với Công ty TNHH dịch vụ đô thị Bình Dương..

IV. THỜI HẠN ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Từ ngày 20 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 5 năm 2025, Hội đồng định giá tài sản phải gửi Kết luận định giá tài sản cho cơ quan yêu cầu định giá tài sản.

Kèm theo yêu cầu định giá tài sản này gồm: Các tài liệu liên quan nêu tại mục II yêu cầu này.

Yêu cầu định giá tài sản này được gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương.

Người định giá tài sản có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 69 Bộ luật Tố tụng hình sự./.

(Thông tin liên quan cần trao đổi để nghị liên hệ Điều tra viên Vũ Thành Trung, số điện thoại: 097.888.3682).

Nơi nhận:
- Hội đồng ĐGTS trong TTTH tỉnh Bình Dương;
- VKSNDT (Vụ 1);
- Đ/c Hoàng Văn Hà - Cục trưởng A09,
P.TTTT CQANDT Bộ Công an (để báo cáo);
- Lưu: VT, HSVA, (PQT, 05b).

PHÓ THỦ TRƯỞNG



Thượng tá Trần Văn Hùng

BỘ CÔNG AN
CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA

PHỤ LỤC TÀI SẢN ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu định giá tài sản số: 1151 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Cơ quan ANDT Bộ Công an)

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	DVT	Khối lượng/ Số lượng
	HUYỆN PHÚ GIÁO		
I	HỢP ĐỒNG SỐ 09/2019/HĐ-XD NGÀY 28/08/2019		
1	Cây Lài Nhật cao >=0.5m, đk tán >=60cm	cây	15,00
2	Cây Cau Vàng cao >=0.5m	cây	12,00
3	Cây Mít Cật cao >=0.5m	cây	15,00
4	Cây Ngẫu Cồn cao >=0.8m, đk tán >=60cm	cây	15,00
5	Cây Mai Vạn Phúc cao >=0.5m, đk tán >=40cm	cây	12,00
6	Cây Nguyệt Quế cao >=0.8m, đk tán >=60cm	cây	15,00
7	Cây Trầu Bà leo	cây	54,00
8	Cỏ lá gừng thái	m2	13.161,00
9	Cây Ấc Ồ trồng hàng rào (mật độ 4000 giò/100m2)	giò	25.652,00
10	Cây Tường Vi trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	6.513,60
11	Cây Mỏ Két trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	4.169,60
12	Cây Kim Đồng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	1.342,40
13	Cây Trầu Bà Vàng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	681,60
14	Cây Cỏ Tồng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	675,20
15	Cây Ổ rô gần vàng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	4.337,60
16	Cây Ổ rô gần đỏ trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	6.640,00
17	Cây Dành dành trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	2.032,00
18	Cây Trắc Bạc trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	736,00
19	Cây Lá Trắng trồng thảm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	1.172,80

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Khối lượng/ Số lượng
20	Cây Lan Ý trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	739,20
21	Cây Cau dài loan trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	568,00
22	Cây Dương Xi trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	156,80
23	Cây Huyết Dụ trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	643,20
24	Cây Trầu bà để vương trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	713,60
25	Cây Hồng Quân Tử trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	668,80
26	Cây Bạch Trinh Biển trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	715,20
27	Cây Đồng Hâu vàng trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	259,20
28	Cây Bạch Mã Hoàng Tử trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	185,60
29	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	3.870,40
30	Cọc chống dài 3m	cây	568,00
31	Phần hữu cơ, phân ủ	kg	37.921,03
II HỢP ĐỒNG SỐ 15/2019/HĐ-XD NGÀY 07/10/2019			
32	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức (cao >=1.6m, dk gốc >=25cm)	cây	2,00
33	Cây Mai Vạn Phúc (cao >=0.5m, dk tán >=40cm)	cây	6,00
34	Cây Hồng Lộc (cao >=1.2m, dk tán >=60cm)	cây	16,00
35	Cây A gao (cao >=0.5m, dk tán >=40cm)	cây	6,00
36	Cây Nguyệt Quế (cao >=0.5m, dk tán >=40cm)	cây	2,00
37	Cây Ác Ô trồng hàng rào (mật độ 4000 cây/100m2)	cây	856,00
38	Cỏ lá gừng thái	m2	47,30
39	Cọc chống dài 3m	cây	128,00
40	Phần hữu cơ, phân ủ	kg	103,14
III HỢP ĐỒNG SỐ 12/2019/HĐ-XD NGÀY 18/09/2019			
41	Cây Gõ Đỏ Cao >=4m; dk gốc >=8-10cm	cây	14,00
42	Cây Kèn Hồng Cao >=4m; dk gốc >=8-10cm	cây	8,00

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Khối lượng/ Số lượng
43	Cây Giáng Hương Cao >=4m; dk gốc >=8-10cm	cây	12,00
44	Cây Nguyệt Quế Cao >=0.8m; dk tán >=60cm	cây	8,00
45	Cây Kê Bạc Cao >=2m; dk gốc >=20cm	cây	3,00
46	Cây Hồng Lộc Cao >=1.2m; dk tán >=60cm	cây	16,00
47	Cây Lai Nhật Cao >=0.5m; dk tán >=60cm	cây	21,00
48	Cây Mai Vạn Phúc Cao >=0.5m; dk tán >=40cm	cây	12,00
49	Cỏ lá gừng	m2	1.620,50
50	Cây Ác Ô trồng hàng rào (mật độ 1600 cây/100m2)	cây	2.600,00
51	Cây Mất Nai trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	568,00
52	Cây Tường Vi trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	1.284,80
53	Cây Chuối Ngọc trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	345,60
54	Cây Mỏ Két trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	32,00
55	Cây Kim Đồng trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	46,40
56	Cọc chống dài 3m	cây	148,00
57	Phần hữu cơ, phân ủ	kg	1.524,00
IV HỢP ĐỒNG SỐ 12/2020/HĐ-TC NGÀY 19/11/2020			
58	Cây Sanh thể trực cao >=1.6m, dk gốc >=12cm	cây	8,00
59	Cây Hồng Lộc trồng viên (mật độ 1000 cây/100m2)	cây	1.095,00
60	Cây Tuyết Sơn Phi Hồng trồng viên (mật độ 4000 cây/100m2)	cây	916,00
61	Cây Dương Xi trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	256,00
62	Chậu miêng chén, dk 1.2m	chậu	8,00
63	Phần hữu cơ, phân ủ	kg	94,84
V HỢP ĐỒNG SỐ 09/HĐ-TC NGÀY 14/10/2020			
64	Cây Lộc Vừng cao >=4m, đường kính gốc >=15cm	cây	2,00
65	Cây Kèn Hồng cao 3.5-4m, đường kính gốc 10-15cm	cây	11,00

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Khối lượng/ Số lượng
66	Cây Cẩm Lai cao 3-3.5m, đường kính gốc 8-10cm	cây	16,00
67	Cây Giáng Hương cao >=4m, đường kính gốc 12-15cm	cây	13,00
68	Cây Trắc cao 3.5-4m, đường kính gốc 10-15cm	cây	5,00
69	Cây Muồng Hoa Vàng cao 3.5-4m, đường kính gốc 10-15cm	cây	2,00
70	Cây Kê Bạc Cao >=1m; dk gốc >=15cm	cây	2,00
71	Cây Thiên Tuế Cao >=1.2m; dk gốc >=15cm	cây	6,00
72	Cỏ Nhung nhật	m2	1.617,10
73	Cỏ Nhung	m2	57,00
74	Cây Ác Ô trồng hàng rào (mật độ 1600 cây/100m2)	cây	984,00
75	Cây Chuối Ngọc trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	697,60
76	Cây Bông Trang trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	937,60
77	Cây Lá Trắng trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	548,80
78	Cây Dền Đỏ trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	707,20
79	Cây Búp Thái trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	529,60
80	Cây Mỏ Két trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	113,60
81	Cây Bông Giấy trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	904,00
82	Cây Kim Đồng trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	259,20
83	Cây Mai Vạn Phúc trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m2)	giò	734,40
84	Cọc chống dài 3m	cây	196,00
85	Phần hữu cơ, phân ủ	kg	5.364,60
VI HỢP ĐỒNG SỐ 29/HĐ-TC NGÀY 29/12/2020			
86	Cây Sao Đen cao 3.5-4m, đường kính gốc 10cm	cây	22,00
87	Cây Sao Đen cao >=4m, đường kính gốc 15cm	cây	4,00
88	Cây Dầu cao >=4m, đường kính gốc 12cm	cây	57,00

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Khối lượng/ Số lượng
89	Cây Bàng Láng cao 3.5-4m, đường kính gốc 12cm	cây	6,00
90	Cây Osaka vàng cao 3-3.5m, đường kính gốc 12cm	cây	1,00
91	Cây Sanh cón, cao 1.5m, đường kính gốc 8cm	cây	2,00
92	Cọc chống dài 3m	cây	360,00
93	Phần hữu cơ, phân ủ	kg	18,40
VII HỢP ĐỒNG SỐ 08/2020/HĐ-TC NGÀY 14/10/2020			
94	Cây Kèn Hồng cao >=3.5-4m, đường kính gốc 10cm	cây	247,00
95	Bộ 4 cây sắt chống cao 2m, mạ kẽm	bộ	247,00
VIII HỢP ĐỒNG SỐ 02/2021/HĐ-TC NGÀY 27/07/2021			
96	Cỏ	m2	10.913,10
97	Cây Kèn Hồng cao >=3.5-4m, đường kính gốc 10cm	cây	21,00
98	Cây Giáng Hương cao >=4m, đường kính gốc 12-15cm	cây	3,00
99	Cây Bạch Trinh Biển	giò	4.850,00
100	Cây Dương Xi	giò	1.680,00
101	Cây Lan Ý	giò	586,00
102	Cây Mỏ Két	giò	1.597,00
103	Cây Trầu Bà	giò	555,00
104	Cây Trầu Bà vàng	giò	415,00
105	Cây Tróc Bạc	giò	976,00
106	Cây Phúc Lộc Thọ	giò	1.189,00
107	Cây Mai Chí Thiên	giò	2.830,00
108	Cây Ngũ Gia Bì	giò	493,00
109	Cây Tường Vi	giò	1.296,00
110	Cây Lai Nhật	giò	615,00
111	Cây Trang Mỹ	cây	307,00
112	Cây Cật Mặt	cây	50,00
113	Cây Cau Đài Loan	cây	5,00
114	Cây Mai Vạn Phúc	cây	5,00
115	Cây Sứ Quân Tử	cây	45,00
116	Cây Hoa Sen	chậu	105,00
117	Cây Hoa Sừng	chậu	378,00
IX HỢP ĐỒNG SỐ 01/2021/HĐKT NGÀY 27/07/2021			

(Kèm theo Yêu cầu định giá tài sản ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Cơ quan ANĐT Bộ Công an)

TỔNG CỘNG: 126 mục./.

Long, Tinh Vinh Long	150105294
----------------------	-----------

11	0
118	0

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Mã số doanh nghiệp
52	Công ty TNHH Dịch vụ môi trường đô thị Green Quảng Ngãi	Thôn Bắc Lân, Xã Ba Đông, Huyện Ba To, tỉnh Quảng Ngãi	430088720
53	Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Bình Định	Thôn Phúc Hậu, Xã Cát Chánh, Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	4101544204
54	Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường An Nguyễn, Xanh	56 Bà Triệu, Tổ 7, Phường Hòa Bình, Thị Xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	5901122355
55	Công ty TNHH Dịch Vụ Môi trường Quảng Nam	Thôn Sơn Lành Đông, Xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	4001181074
56	Công ty TNHH Dịch vụ đô thị và môi trường Thanh Hóa	Số 318 Lê Lợi, khu phố 3, Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2802573746
57	Công ty cổ phần Tập đoàn Công Minh	162/147 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	0315729357
58	Công ty TNHH Công Minh Holdings	116/24 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	315729300
59	Công ty TNHH Đầu Tư Công Minh	111/88 Dương Trec, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	315726264
60	Công ty TNHH Công Minh 1	831, đường Phú Riêng Dò, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3800331355

(*)Chú thích: Công ty có thể đổi tên khác nhưng ASCDN không thay đổi./

II. DANH SÁCH DOANH NGHIỆP ĐÃ THAM GIA THĂM ĐỊNH GIÁ

1	Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ thẩm định giá Đông Á	Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	0312180943
2	Công ty TNHH Thẩm định giá Châu Việt	164 Trần Huy Liệu, phường 08, quận Phú Nhuận, TP HCM	0305084050
3	Công ty Cổ phần Thẩm định giá TT Huế	Thị trấn 2, số 39 đường Tô Hân, phường Xuân Phú, TP Huế, tỉnh TT Huế	3301514558

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Mã số doanh nghiệp
38	Công ty TNHH Cây xanh Tây Nuan Bộ	Số 220 Quốc Lộ 91C, ấp Giồng Chua, Thôn Trăn Trăn dề, Huyện Trăn Đề, Sóc Trăng	1900605761
39	Công ty TNHH môi trường Ánh Sao	Tổ 11, ấp Tủa Hài, Xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	3901245755
40	Công ty TNHH Cây Xanh Kiến Giang	Lô 1 căn 11 đường Trần Quang Khải, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	1702031610
41	Công ty TNHH Môi trường An Nguyễn	Số 60 Đường Sĩ Thanh Kiệt, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng	3801151535
42	Công ty TNHH phát triển đô thị Nghệ An	Xóm 6 Liên Bang, Xã Thanh Liên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	2901966549
43	Công ty TNHH Không Gian Xanh Vĩnh Phúc	Đội 6, Thôn Yên Quàn, Xã Bình Định, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc	2500618454
44	Công ty TNHH Cây Xanh Công Minh Đà Nẵng	222 Nguyễn Tri Phương, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	0401986365
45	Công ty TNHH Môi trường đô thị Thao Nguyễn Xanh Gia Lai	Thôn Tân Lập, Xã Tân An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	5901122362
46	Công ty TNHH Môi trường Xanh Quảng Trị	Số nhà 07, đường Hùng Vương, phường 1 TP Đồng Hà, tỉnh Quảng Trị	3200677524
47	Công ty TNHH Cây Xanh và Xây Dựng Hà Nam	Thôn Nhị Giáp, Xã Dục Hải, Huyện Dục Tiến, Tỉnh Hà Nam	070081809563
48	Công ty TNHH môi trường và đô thị Hà Tĩnh	Nhà bà Lê Thị Vinh, thôn Gia Ngải 1, Xã Thạch Long, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	0202121090
49	Công ty TNHH môi trường và đô thị Quảng Bình	Thị trấn 2, Thị trấn Đồng Lễ, Huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình	0705071013
50	Công ty TNHH Môi trường và Cây xanh Bình Định	Thôn Vĩnh Hưng, thôn Phú Cát, Tỉnh Bình Định	5901122362
51	Công ty TNHH Môi trường Đô Thị Trường Đỗ Thị Lệ Xuân	Thôn Vĩnh Hưng, thôn Phú Cát, Tỉnh Bình Định	0305084050

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Mã số doanh nghiệp
16	Công ty TNHH Thẩm định giá Thành Tín	G22 Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	0106455984
17	Công ty CP Thẩm định giá Quảng Nam	102 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Tân Thành, TP Tân Kỳ, Quảng Nam	4000939372

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Mã số doanh nghiệp
4	Công ty Cổ phần Thẩm định giá và DV/TS Toàn cầu (VATC)	Số 360, đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP HCM.	0304288622
5	Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	Số 767 Lê Hồng Phong, P12, Q10, TP Hồ Chí Minh	0304770466
9	Công ty Cổ phần Thẩm định giá Sen Việt	1029/3 đường Nguyễn Ái Quốc, KP1, P. Trưng Dải, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	3603872856
7	Công ty Cổ phần Thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng (Thế Hà Hà Nội)	Số E54, đường D9, KP 7, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	3603650951
8	Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Nai	Số 42 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	3600965397
6	Công ty TNHH Tư vấn thẩm định giá và kiểm soát MKT	Số 540 Hai Bà Trưng, P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	4300782161
01	Công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tin	Chu nhánh Quảng Ngãi: Số 279 Trần Quang Khải, phường Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0310791400
11	Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ thẩm định giá Đông Á	Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	031012180943
12	Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCValue	Số 7, No.3, đường Trần Đăng Ninh Kéo dài, KĐT Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	0505763464
13	Công ty Cổ phần Thẩm định giá Châu Á	Số 59B, Ngách 132/63, Tổ 25, đường Khương Trung, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	0108340241
41	Công ty TNHH Tư vấn và thẩm định giá	Số 95 ngõ 33 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	01060960943
51	Công ty TNHH Tư vấn pháp luật TNHH Á Đông	Tòa nhà B1B/VIA 10101A Nguyễn Chính, P. Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	01070106012